

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/02/2025.

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
sau khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Nghĩa

Ông Bùi Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2025/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST – HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lâm Thị Hằng N, là Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh S (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê V, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 08/01/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng bà T

và ông V có con chung tên Lê Thị Thảo D, sinh ngày 08/02/2010, hiện nay đang sống chung với bà T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian về sau vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thương yêu nhau, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không được và đã ly thân với nhau từ năm 2014 đến nay, sau khi ly thân thì cuộc sống của bà T và ông V không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy có cuộc sống riêng của mình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu Tòa án không công nhận bà T và ông Lê V là vợ chồng.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Thảo D, sinh ngày 08/02/2010 và yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.930.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lê V trình bày:**

Ông V thống nhất với lời trình của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, về nợ chung ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong cuộc sống hằng ngày thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện nay ông V cũng không còn tình cảm với bà T. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng thì ông V cũng đồng ý.

- Về con chung: Do con chung tên Lê Thị Thảo D, sinh ngày 08/02/2010 đang sống với bà T nên ông V đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Tuy nhiên hiện nay do kinh tế khó khăn nên ông V không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T, nếu bà T không có khả năng nuôi con thì giao lại cho ông V nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:**

Bà T và ông V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm luật Hôn nhân và gia đình nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà T và ông V là vợ chồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông V có 01 con chung tên Lê Thị Thảo D, sinh ngày 08/02/2010, từ khi sinh ra đến nay cháu D chung sống với bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu D cho bà T nuôi

đưỡng và buộc ông V cấp dưỡng theo quy định mỗi tháng 1.930.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn” theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, nhưng ông, bà lại không có đăng ký kết hôn, do vậy mối quan hệ hôn nhân của ông, bà không được pháp luật công nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Trong quá trình chung sống, bà T và ông V phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân kể từ năm 2014 cho đến nay.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố bà T và ông V không phải là vợ chồng, phía ông V cũng thống nhất.

Xét thấy, nền tảng của gia đình là sự thương yêu, tin tưởng, chăm sóc dành cho nhau giữa vợ và chồng nhưng ông, bà không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung như vợ chồng, đồng thời bà T và ông V không đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà T và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà T và ông V là vợ chồng.

[2]. Về quan hệ nuôi con chung:

Bà T và ông V có 01 con chung tên Lê Thị Thảo D, sinh ngày 08/02/2010, hiện nay đang sống chung với bà T, cuộc sống của cháu đang ổn định và hiện nay cháu D phát triển bình thường đồng thời cháu D có nguyện vọng ở chung với bà T. Do đó nhằm để ổn định cuộc sống cũng như tâm lý của cháu D, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào

khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thảo D, sinh ngày 08/02/2010 cho đến tuổi trưởng thành. Nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông V không ai được quyền ngăn cản.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì:
“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”.

Theo Khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình *“... Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”.*

Bà T và ông V không thỏa thuận được số tiền cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời ông V là người không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định và số tiền cấp dưỡng mà bà T yêu cầu là 1.930.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về phân chia tài sản chung và nợ chung:

Bà T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, phía ông V cho rằng có tài sản chung nhưng không có đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này. Trường hợp ông V có yêu cầu chia tài sản chung sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6]. Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Lê V trong vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn”:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê V là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Thảo D, sinh ngày 08/02/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lê V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền là 1.930.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27/02/2025 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Ông Lê V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án.

2/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0009754 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Lê V phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Trúc Phương